

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TRÊN ĐỊA BÀN XÃ HẠNH DỊCH - HUYỆN QUẾ PHONG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá được quy định tại bảng giá đất hiện hành (đ/m2)	Mức giá điều chỉnh (đ/m2)	Ghi chú
		Từ	Đến			
	XÃ HẠNH DỊCH					
A	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG ĐÃ ĐƯỢC ĐẶT TÊN					
1	Tuyến đường Tiền Phong - Hạnh Dịch (đường huyện DH3.33)					
1	Đường Tiền Phong- Hạnh Dịch	Từ Địa giới hành chính xã Hạnh Dịch- Tiền Phong (từ thửa số 21, tờ bản đồ số 43)	Đến UBND xã Hạnh Dịch (thửa đất số 71, tờ bản đồ số 36)	230.000	390.000	
2	Đường Tiền Phong- Hạnh Dịch	Từ trụ sở UBND xã Hạnh Dịch (thửa đất số 72, tờ bản đồ số 36)	Đến công ty Lâm Khang (đến thửa số 1, tờ bản đồ số 14)	207.000	330.000	
B	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CÒN LẠI TẠI CÁC XÓM, BẢN					
1	Bản Chiềng					
1.1	Đường Chấm Pánh bản Chiềng	Từ thửa đất 5, tờ bản đồ số 42	(đến thửa số 19, tờ bản đồ số 42)	207.000	280.000	
1.2	Đường Chấm Huống bản Chiềng	Từ thửa số 37, tờ bản đồ số 38)	(đến thửa số 29, tờ bản đồ số 43)	115.000	220.000	

TT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá được quy định tại bảng giá đất hiện hành (đ/m2)	Mức giá điều chỉnh (đ/m2)	Ghi chú
		Từ	Đến			
1.3	Đường nội thôn bản Chiềng	từ thửa đất 20, tờ bản đồ số 42	đến thửa số 43, tờ bản đồ số 42	103.500	170.000	
1.4	Các tuyến đường nội thôn còn lại bản Chiềng	Gồm các tờ bản đồ số 37, 42, 38, 43		70.000	100.000	
2	Bản Vinh Tiến					
2.1	Đường nội thôn bản Vinh Tiến (Cụm bản Chàm)	từ thửa đất 13, tờ bản đồ số 35	đến thửa số 3 bản đồ số 35	172.000	280.000	
2.2	Đường nội thôn bản Vinh Tiến (Cụm bản Chàm)	từ thửa đất 10, tờ bản đồ số 35	đến thửa số 6, tờ bản đồ số 35	103.000	220.000	
2.3	Đường nội thôn bản Vinh Tiến (Cụm bản Chàm)	từ thửa đất 4, tờ bản đồ số 36	đến thửa số 2, tờ bản đồ số 36	70.000	170.000	
2.4	Đường nội thôn bản Vinh Tiến (Cụm bản Pà Kim)	từ thửa đất 68, tờ bản đồ số 35	đến thửa số 76, tờ bản đồ số 35	172.000	220.000	
2.5	Đường nội thôn bản Vinh Tiến (Cụm bản Pà Kim)	từ thửa đất 75, tờ bản đồ số 35	đến thửa số 80, tờ bản đồ số 35	103.000	170.000	
2.6	Các tuyến đường nội thôn còn lại bản Vinh Tiến	Gồm các tờ bản đồ số 36, 35		70.000	100.000	
3	Bản Long Thắng					
3.1	Đường nội thôn bản Long Thắng (Cụm bản Hỏa Mương)	từ thửa đất 8, tờ bản đồ số 15	đến thửa số 7, tờ bản đồ số 15	172.000	220.000	
3.2	Đường nội thôn bản Long Thắng (Cụm bản Hỏa Mương)	từ thửa đất 13, bản đồ số 15	đến thửa số 10, tờ bản đồ số 15	90.000	170.000	

TT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá được quy định tại bảng giá đất hiện hành (đ/m2)	Mức giá điều chỉnh (đ/m2)	Ghi chú
		Từ	Đến			
3.3	Đường nội thôn bản Long Thắng (Cụm bản Hỏa Muơng)	từ thửa đất 7 , tờ bản đồ số 15	đến thửa số 6, tờ bản đồ số 15	70.000	120.000	
3.4	Các tuyến đường nội thôn còn lại bản Long Thắng (bản Na Xái cũ)	Gồm các tờ bản đồ số 14		70.000	100.000	
4	Bản Long Tiến					
4.1	Đường nội thôn bản Long Tiến (Cụm bản Cóng)	từ thửa đất 39, tờ bản đồ số 19	đến thửa số 45,46, tờ bản đồ số 19	172.000	220.000	
4.2	Đường nội thôn bản Long Tiến (Cụm bản Cóng)	từ thửa đất 53, bản đồ số 19	đến thửa số 55, tờ bản đồ số 19	90.000	170.000	
4.3	Đường nội thôn bản Long Tiến (Cụm bản Cóng)	từ thửa đất 56 , tờ bản đồ số 19	đến thửa số 58, tờ bản đồ số 19	70.000	110.000	
4.4	Các tuyến đường nội thôn còn lại bản Long Tiến	Gồm các tờ bản đồ số 19,23		70.000	100.000	
5	Bản Quang Vinh					
5.1	Đường nội thôn bản Quang Vinh (Cụm Pòm Om)	từ thửa đất 5 , tờ bản đồ số 40	đến thửa số 14, tờ bản đồ số 40	138.000	170.000	
5.2	Đường nội thôn bản Quang Vinh (Cụm Pòm Om)	từ thửa đất 13 , tờ bản đồ số 40	đến thửa số 21, tờ bản đồ số 40	92.000	120.000	
5.3	Đường nội thôn bản Quang Vinh(Cụm Pòm Om)	từ thửa đất 32 , tờ bản đồ số 40	đến thửa số 47, tờ bản đồ số 40	70.000	100.000	

TT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá được quy định tại bảng giá đất hiện hành (đ/m2)	Mức giá điều chỉnh (đ/m2)	Ghi chú
		Từ	Đến			
5.4	Các tuyến còn lại nội bản Quang Vinh (cụm Pòm Om cũ)	Tờ bản đồ số 35			100.000	
5.5	Các tuyến còn lại nội bản Quang Vinh (cụm bản Pà Cọ cũ)	Tờ bản đồ số 35		70.000	100.000	
6	Bản Hạnh Tiến					
6.1	Đường nội thôn bản Hạnh Tiến (khu vực bản Khồm cũ)	Tờ bản đồ 29,30		92.000	110.000	
6.2	Các tuyến đường nội thôn còn lại (bản Chấm Pụt cũ)	Tờ bản đồ số 27		70.000	100.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH